

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 26/11/2018

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Nguyệt

Ông Huỳnh Châu Thạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2018/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 về việc: “Xin ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 73/2018/HNGĐ-ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố DL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 318/2018/QĐ-PT ngày 05/11/2018; Thông báo về việc hoãn phiên tòa và dời thời gian mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình số 776/TB-TA ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Thanh L, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Số x HD, phường y, thành phố DL.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thụy Thùy T, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Số x ĐDT, phường z, thành phố DL.

Do có kháng cáo của nguyên đơn anh Đỗ Thanh L.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 11/01/2018 và lời trình bày của nguyên đơn anh Đỗ Thanh L thì:

Anh và chị Nguyễn Thụy Thùy T kết hôn vào năm 2009, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân phường y, thành phố DL; hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng ít có thời gian chung sống với nhau vì anh là bộ đội, thường trú tại đơn vị ở TN nên chỉ có chị T sống với bố mẹ anh tại số x HD, phường y, thành phố DL. Còn lại vợ chồng chỉ chung sống một thời gian ngắn

khi anh về thăm nhà. Từ sau khi kết hôn vợ chồng đã có mâu thuẫn kéo dài cho đến nay do chị T có quan hệ ngoại tình với người khác. Mặc dù anh đã phát hiện vợ ngoại tình trong thời gian dài, cũng cố níu kéo khuyên ngăn nhưng chị T không thay đổi. Đến nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng nào để hàn gắn được nữa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Đỗ Quang T, sinh ngày 22/8/2014 hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Anh đồng ý giao con chung cho chị Nguyễn Thụy Thùy T nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đồng/01 tháng. Anh không đồng ý với mức cấp dưỡng mà chị T yêu cầu vì mức cấp dưỡng 4.000.000đồng/01 tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Theo lời khai của bị đơn chị Nguyễn Thụy Thùy T trình bày thì:

Về quá trình kết hôn và chung sống như anh Đỗ Thanh L đã trình bày là đúng. Mâu thuẫn gia đình thì chị cho rằng ban đầu vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nếu có thì do anh L thường xuyên đi xa nhà nên chị phải ở nhà một mình với bố mẹ chồng, có nhiều việc không như mong muốn. Và chị cũng thừa nhận là có tình cảm với người khác. Hiện tại chị cũng đã khắc phục lỗi lầm của mình, cũng đã chấm dứt quan hệ bên ngoài. Tuy nhiên, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn được nữa nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Đỗ Quang T, sinh ngày 22/8/2014 hiện nay chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị yêu cầu nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đồng/01 tháng do việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung có rất nhiều khoản chi phí mà thu nhập của chị rất thấp.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các bên xác nhận không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh L thay đổi ý kiến, anh chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng với lý do con còn nhỏ, mức thu nhập của anh có hạn, ngoài ra anh còn phải chi phí chăm sóc cha mẹ đã già hay ốm đau, các khoản chi phí khác trong gia đình, ngoài xã hội và sẽ phải chi phí thêm cho con ngoài phần cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Chị T thay đổi một phần yêu cầu, chị chỉ yêu cầu anh L cấp dưỡng 3.000.000đồng, bởi thu nhập của chị hiện nay 6.500.000đồng cao hơn (trước đây chỉ là hơn 3.000.000đồng).

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 73/2018/HNGĐ-ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố DL. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đỗ Thanh L và chị Nguyễn Thụy Thùy T.

2. Về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung tên Đỗ Quang T, sinh ngày 22/8/2014 cho chị Nguyễn Thụy Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên.

Buộc anh Đỗ Thanh L cấp dưỡng nuôi con tên Đỗ Quang T, sinh ngày 22/8/2014 mỗi tháng 2.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2018 cho đến khi con thành niên.

Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng anh L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Đỗ Thanh L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đồng được trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng anh L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007902 ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố DL, tỉnh Lâm Đồng) và phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 02/10/2018, nguyên đơn anh L có đơn kháng cáo một phần Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 73/2018/HNGĐ-ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố DL, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Cấp sơ thẩm giao con chung cháu Đỗ Quang T, sinh ngày 22/8/2014 cho chị T nuôi dưỡng và buộc anh cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con thành niên là quá cao. Nên anh kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đồng/tháng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nếu giao con cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng thì đề nghị Hội đồng xét xử giảm mức cấp dưỡng nuôi con anh chỉ phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đồng/tháng vì hiện nay mức lương của anh có 7.000.000đồng/tháng nhưng phải lo các chi phí chăm sóc cha mẹ già, cho bản thân.

Bị đơn chị T không chấp nhận kháng cáo của anh L, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận định: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như của đương sự là đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Đỗ Thanh L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Anh Đỗ Thanh L và chị Nguyễn Thụy Thùy T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân phường y, thành phố Đà Lạt cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/02/2009. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống xảy ra mâu thuẫn nên anh L có đơn xin ly hôn với chị Trang. Hiện anh L và chị T đều có địa chỉ thường trú tại thành phố Đà Lạt.

Do đó, cần xác định quan hệ tranh chấp là: “*Xin ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố DL là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân và tài sản chung, nợ chung: Do các bên đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của anh L về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung thì thấy rằng:

- Xét thấy, cháu Đỗ Quang T sinh năm 2014, hiện nay cháu mới được 04 tuổi đang học mầm non là thời điểm phát triển các kỹ năng ngôn ngữ nên cần có sự chăm sóc từ chế độ ăn uống, sinh hoạt đặc biệt hơn, nó ảnh hưởng rất lớn đến vấn đề sức khỏe, cảm xúc của cháu Tiến nên cần giao cháu Đỗ Quang T, sinh ngày 22/8/2014 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L kháng cáo cho rằng việc cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng là quá cao thì thấy rằng:

Hiện nay cháu Tiến mới 04 tuổi nên nhu cầu thiết yếu của lứa tuổi này về dinh dưỡng có ý nghĩa rất quan trọng tới sức khỏe và cả quá trình phát triển của cháu Tiến. Giai đoạn này, cháu cần có chế độ dinh dưỡng phù hợp, các loại sữa có đủ những dưỡng chất phát triển thể chất, chiều cao cho cháu Tiến nên cần nhiều chi phí, hơn nữa giá cả ngày càng tăng cao. Ngoài ra, cháu Tiến đã đến tuổi đến trường mầm non nên ngoài chi phí ăn uống, sinh hoạt ở nhà còn chi phí học tại nhà trường.

Chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000đồng/tháng, nhưng theo bản xác nhận thu nhập của Ban chỉ huy Quân sự thành phố Đà Lạt ngày 31/8/2018 (bút lục 23) xác nhận thu nhập hiện nay của anh L là 7.506.000đồng/tháng. Tại phiên tòa hôm nay, chị T khai nhận mức chi phí cho cháu Tiến bình quân là 2.500.000đồng đến 3.000.000đồng/tháng. Chi phí học tại trường mầm non Anh Đào của cháu Tiến là 1.000.000 đồng đến 1.300.000 đồng/tháng thì do anh L tự

nguyện nộp cho nhà trường. Do việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm, nghĩa vụ của cả cha và mẹ nên mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ khoản chi phí nuôi con chung là phù hợp.

Vì vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh L sửa án sơ thẩm theo hướng buộc anh L cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Tiến mỗi tháng là 1.500.000đồng/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Tiến tròn 18 tuổi là phù hợp.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc cấp dưỡng và người trực tiếp nuôi con.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Đỗ Thanh L, sửa bản án sơ thẩm theo hướng nhận định trên là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm:

- Anh Đỗ Thanh L phải chịu số tiền 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí anh L đã nộp theo biên lai thu số 0007908 ngày 04/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố DL. Anh L còn phải nộp 300.000 đồng án phí còn thiếu.

[5] Về án phí phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm nên nguyên đơn anh L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trả lại cho anh L số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm anh L đã nộp theo biên lai thu số 0008586 ngày 10/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố DL.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Đỗ Thanh L. Sửa bản án sơ thẩm. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Đỗ Thanh L và bị đơn chị Nguyễn Thụy Thùy T được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Đỗ Quang T, sinh ngày 22/8/2014 cho chị Nguyễn Thụy Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc cấp dưỡng và người trực tiếp nuôi con.

- Buộc anh Đỗ Thanh L cấp dưỡng nuôi con chung cháu Đỗ Quang T, sinh ngày 22/8/2014 mỗi tháng 1.500.000đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2018 cho đến khi cháu Tiến đủ tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi).

3. Về án phí sơ thẩm:

- Anh Đỗ Thanh L phải chịu số tiền 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí anh L đã nộp theo biên lai thu số 0007908 ngày 04/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố DL. Anh L còn phải nộp 300.000 đồng án phí còn thiếu.

4. Về án phí phúc thẩm:

Trả lại cho anh L số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm anh L đã nộp theo biên lai thu số 0008586 ngày 10/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố DL.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND TP. DL;
- CCTHADS TP. DL;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Hữu Nhân

-

